

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 3 trang)

**CHƯƠNG TRÌNH L10,L11 + GIỮA KỲ 1 LỚP 12 - NĂM
HOC 2026-2027****MÔN: VẬT LÝ - THPT***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 29/08/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: L.CG1.047**TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Đặt hiệu điện thế 23 V vào một vật dẫn thì dòng điện qua nó là 1,8 A. Điện trở của vật dẫn bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 23 Ω B. 41,4 Ω C. 0,1 Ω D. 12,8 Ω

Câu 2. Cách nào sau đây hạn chế được tác hại của cộng hưởng?

- A. Chờ cho hệ tự hết cộng hưởng.
B. Tăng biên độ của ngoại lực.
C. Đổi khối lượng hoặc độ cứng của hệ để dời tần số riêng.
D. Sơn lại bề mặt hệ dao động.

Câu 3. Định luật I của nhiệt động lực học được viết là

- A. $\Delta U = A - Q$ B. $A = \Delta U + Q$ C. $\Delta U = A \cdot Q$ D. $\Delta U = A + Q$

Câu 4. Trong sóng dọc, phần tử môi trường dao động theo phương

- A. vuông góc với phương truyền sóng.
B. trùng với phương truyền sóng.
C. hợp với phương truyền sóng một góc bốn mươi lăm độ.
D. thay đổi liên tục theo thời gian.

Câu 5. Thả một miếng chì khối lượng 600 g ở 210 °C vào 1800 g nước ở 31 °C trong một bình cách nhiệt; nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/(kg · K). Trong quá trình đi tới cân bằng nhiệt

- A. miếng chì toả nhiệt, nước thu nhiệt. B. miếng chì toả nhiệt còn nước giữ nguyên nhiệt độ.
C. nước toả nhiệt, miếng chì thu nhiệt. D. cả hai vật cùng toả nhiệt.

Câu 6. Nhiệt dung riêng của một chất là nhiệt lượng cần cung cấp để

- A. một kilôgam chất ấy chuyển hoàn toàn sang thể lỏng.
B. cả vật nóng thêm một độ.
C. một kilôgam chất ấy nóng thêm một trăm độ.
D. một kilôgam chất ấy nóng thêm một độ.

Câu 7. Quá trình chuyển thể nào diễn ra từ thể khí sang thể lỏng?

- A. Thăng hoa. B. Ngưng kết. C. Ngưng tụ. D. Đông đặc.

Câu 8. Loại nhiệt kế nào đo nhiệt độ dựa vào suất điện động sinh ra khi hai mối hàn khác nhiệt độ?

- A. Nhiệt kế thủy ngân.
- B. Nhiệt kế cặp nhiệt điện.
- C. Nhiệt kế hồng ngoại.
- D. Nhiệt kế điện trở.

Câu 9. Nhiệt nóng chảy riêng của một chất là nhiệt lượng cần cung cấp để

- A. một kilôgam chất ấy ở nhiệt độ nóng chảy chuyển hoàn toàn sang thể lỏng.
- B. cả khối chất chuyển hoàn toàn sang thể lỏng.
- C. một kilôgam chất lỏng ấy chuyển hoàn toàn thành hơi.
- D. một kilôgam chất ấy nóng thêm một độ.

Câu 10. Vật dao động điều hoà với biên độ 3 cm và tần số góc 11 rad/s. Tốc độ cực đại của vật bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 0 m/s
- B. 33 m/s
- C. 0,3 m/s
- D. 3,6 m/s

Câu 11. Sóng dừng hình thành do

- A. hai sóng có tần số khác nhau gặp nhau.
- B. sóng bị tắt dần khi truyền trong môi trường có ma sát.
- C. sóng truyền theo hai phương vuông góc nhau.
- D. sự giao thoa giữa sóng tới và sóng phản xạ trên cùng một phương.

Câu 12. Một lượng axeton khối lượng 0,7 kg đang ở đúng nhiệt độ sôi 56°C nhiệt hoá hơi riêng của axeton là $520 \cdot 10^3 \text{ J/kg}$. Nhiệt lượng cần cung cấp để lượng chất ấy hoá hơi hoàn toàn bằng

- A. 364 kJ
- B. 364000 kJ
- C. 743 kJ
- D. 520 kJ

Câu 13. Chuyển động Brown chứng tỏ điều gì?

- A. Nhiệt độ của chất lỏng luôn thay đổi.
- B. Các phân tử của chất lỏng chuyển động hỗn loạn không ngừng.
- C. Chất lỏng có lực đẩy rất mạnh giữa các phân tử.
- D. Hạt phấn hoa cũng là một phân tử.

Câu 14. Vật dao động điều hoà với cơ năng 320 mJ. Khi li độ bằng 0, thế năng của vật bằng

- A. 80 mJ
- B. 0 mJ
- C. 160 mJ
- D. 320 mJ

Câu 15. Một người nặng 75 kg nhảy khỏi thuyền với vận tốc 4 m/s so với bờ. Động lượng của người bằng

- A. 79 kg·m/s
- B. 300 kg·m/s
- C. 600 kg·m/s
- D. 19 kg·m/s

Câu 16. Một hạt mang điện bay vào điện trường đều theo phương vuông góc với đường sức. Quỹ đạo của hạt là

- A. một đường thẳng theo phương ban đầu.
- B. một đường thẳng dọc theo đường sức.
- C. một đường tròn.
- D. một nhánh parabol, giống chuyển động ném ngang.

Câu 17. Đun 100 g nước trong nhiệt lượng kế bằng một điện trở đốt công suất 20 W trong 756 s thì nhiệt độ tăng thêm 36°C . Nhiệt lượng điện trở đốt đã cấp bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 0 kJ
- B. 15,1 kJ
- C. 0,4 kJ
- D. 15120 kJ

Câu 18. Hiệu suất của nguồn điện trong một mạch kín được tính bằng

- A. $H = \frac{\xi}{U_N}$ B. $H = U_N \xi$ C. $H = \frac{U_N}{\xi}$ D. $H = \frac{r}{R + r}$

Câu 19. Một điện tích chịu hai lực điện cùng phương cùng chiều, độ lớn 37 N và 25 N. Hợp lực có độ lớn

- A. 12 N B. 62 N C. 37 N D. 68 N

Câu 20. Định luật Ohm cho vật dẫn phát biểu rằng cường độ dòng điện qua vật dẫn

- A. không phụ thuộc hiệu điện thế đặt vào.
B. tỉ lệ nghịch với hiệu điện thế và tỉ lệ thuận với điện trở.
C. tỉ lệ thuận với tích của hiệu điện thế và điện trở.
D. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế đặt vào và tỉ lệ nghịch với điện trở của vật dẫn.

Câu 21. Ghép nối tiếp hai điện trở 12 Ω và 7 Ω . Điện trở tương đương bằng

- A. 19 Ω B. 4 Ω C. 5 Ω D. 84 Ω

Câu 22. Đặt điện tích thử 17 μC tại một điểm thì nó chịu lực điện 58 mN. Cường độ điện trường tại điểm đó bằng (làm tròn đến hàng đơn vị).

- A. 0 V/m B. 3 V/m C. 3412 V/m D. 986 V/m

Câu 23. Vật 200 g dao động điều hoà với tần số góc 6 rad/s và biên độ 4 cm. Cơ năng dao động bằng (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 5,8 mJ B. 1 mJ C. 144 mJ D. 11,5 mJ

Câu 24. Vật khối lượng 5 kg chuyển động tròn đều với tốc độ 13 m/s trên đường tròn bán kính 15 m. Lực hướng tâm có độ lớn (làm tròn đến hàng phần mười).

- A. 56,3 N B. 11,3 N C. 4,3 N D. 12675 N

Câu 25. Nguyên lý chồng chất sóng phát biểu rằng, tại điểm hai sóng gặp nhau,

- A. hai sóng triệt tiêu nhau và cùng biến mất.
B. sóng có biên độ lớn hơn sẽ lấn át sóng kia.
C. li độ tổng bằng tổng đại số li độ do từng sóng gây ra.
D. biên độ tổng luôn bằng tổng hai biên độ thành phần.